BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Nguyễn Hải	An	Nam	25.03.1997	Thái Bình		
2	B00002	Bùi Lan	Anh	Nữ	29.10.2000	Thái Bình		
3	B00003	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	30.12.2000	Hải Dương		
4	B00004	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	27.06.1995	Phú Thọ		
5	B00005	Phùng Tuấn	Anh	Nam	25.08.1994	Hà Nội		
6	B00006	Lê Nhật	Anh	Nữ	09.09.1998	Hà Nội		
7	B00007	Nguyễn Đình	Anh	Nam	31.12.2001	Phú Thọ		
8	B00008	Nguyễn Hoàng Hải	Anh	Nữ	10.01.2001	Hà Nội		
9	B00010	Dư Thị Minh	Ánh	Nữ	17.07.2000	Lai Châu		
10	B00011	Đỗ Thị Ngọc	Bích	Nữ	18.05.1997	Thái Bình		
11	B00012	Lâm Xuân	Biển	Nam	23.05.1998	Bắc Giang		
12	B00013	Hà Thị Hương	Bưởi	Nữ	02.07.1985	Thái Bình		
13	B00014	Nguyễn Thảo Minh	Châu	Nữ	14.11.2000	Hà Nội		
14	B00015	Nguyễn Huệ	Chi	Nữ	14.07.2000	Hưng Yên		
15	B00016	Đỗ Thị	Điệp	Nữ	31.08.1984	Hà Nội		
16	B00017	Nguyễn Văn	Đông	Nam	31.08.1998	Bắc Ninh		
17	B00018	Bùi Minh	Đức	Nam	06.06.1996	Hòa Bình		
18	B00019	Lương Thị	Dung	Nữ	05.05.1991	Hải Phòng		
19	B00020	Phạm Thúy	Dung	Nữ	06.08.2000	Hải Phòng		
20	B00021	Hoàng Tuấn	Dũng	Nam	16.06.1997	Nam Định		
21	B00022	Ngô Quốc	Dũng	Nam	11.03.1981	Hà Nội		
22	B00023	Phùng Tiến	Dũng	Nam	21.02.1985	Yên Bái		
23	B00024	Hoàng	Dương	Nam	03.12.1984	Vĩnh Phúc		
24	B00025	Bùi Thùy	Dương	Nữ	10.11.1997	Hà Nội		
25	B00026	Nguyễn Hữu Quang	Duy	Nam	06.12.2000	Hải Phòng		
26	B00708	Trương Thị	Thúy	Nữ	28.08.1990	Tuyên Quang		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00027	Hà Thị	Duyên	Nữ	26.09.1980	Thái Bình		
2	B00028	Lương Trường	Giang	Nam	04.09.2000	Lào Cai		
3	B00029	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	14.04.1983	Nam Định		
4	B00030	Cao Hoàng	Hà	Nam	01.12.1984	Lạng Sơn		
5	B00031	Bùi Thị Ngọc	Hà	Nữ	07.08.1997	Ninh Bình		
6	B00032	Lương Thị	Hà	Nữ	11.06.1979	Hải Dương		
7	B00033	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	14.04.2000	Vĩnh Phúc		
8	B00034	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	18.04.1997	Hà Nội		
9	B00035	Đào Thị Thu	Hà	Nữ	19.12.1992	Hưng Yên		
10	B00036	Trịnh Thị Thu	Hà	Nữ	12.09.2000	Nam ĐỊnh		
11	B00037	Hoàng Văn	Hà	Nam	16.04.1980	Nam Định		
12	B00038	Nguyễn Văn	Hải	Nam	30.11.1998	Hà Nội		
13	B00039	Đinh Quý	Hải	Nam	20.12.1995	Hà Nội		
14	B00040	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	01.12.2000	Hà Tây		
15	B00041	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	20.11.1984	Hà Nam		
16	B00042	Phạm Minh	Hằng	Nữ	06.12.1988	Yên Bái		
17	B00043	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	24.09.1994	Hải Dương		
18	B00044	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27.12.1982	Hà Nội		
19	B00045	Đào Thị	Hằng	Nữ	17.08.1997	Bắc Ninh		
20	B00046	Phạm Mỹ	Hạnh	Nữ	20.04.1998	Quảng Bình		
21	B00047	Bùi Thị Hồng	Hạnh	Nữ	29.05.1981	Hòa Bình		
22	B00048	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	19.06.1969	Hà Nội		
23	B00049	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	24.11.1997	Bắc Ninh		
24	B00050	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	13.02.1987	Thái Bình		
25	B00051	Nguyễn Văn	Hảo	Nam	26.06.1982	Hà Nội		
26	B00052	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	07.06.1995	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00053	Đoàn Thị Thu	Hiền	Nữ	14.07.1990	Hà Nội		
2	B00054	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	03.03.1987	Ninh Bình		
3	B00055	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	01.05.1999	Nam Định		
4	B00056	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	02.04.1985	Hà Nội		
5	B00057	Nguyễn Mạnh	Hiển	Nam	29.10.1984	Hải Dương		
6	B00058	Vương Ngọc	Hiếu	Nam	17.12.2001	Hà Nội		
7	B00059	Thiều Phương	Hoa	Nữ	08.03.1987	Thanh Hóa		
8	B00060	Lương Mai	Hoa	Nữ	17.06.1996	Hà Tây		
9	B00061	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	19.08.1972	Thái Bình		
10	B00062	Nguyễn Ngọc Lê	Hoa	Nữ	07.12.1998	Thái Bình		
11	B00063	Phan Thị	Hòa	Nữ	24.08.1992	Bắc Ninh		
12	B00064	Hoàng Thu	Hoài	Nữ	27.10.2001	Yên Bái		
13	B00065	Trần Thị	Hồng	Nữ	17.11.1987	Thái Bình		
14	B00066	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	18.09.1984	Hà Nội		
15	B00067	Nghiêm Thị	Hồng	Nữ	20.11.1991	Hà Nội		
16	B00068	Giang Lê Minh	Huệ	Nữ	15.01.1978	Tuyên Quang		
17	B00069	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	01.07.1998	Thanh Hóa		
18	B00070	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	26.12.1985	Hà Nội		
19	B00071	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	26.12.1999	Hưng Yên		
20	B00072	Bùi Quang	Hưng	Nam	13.09.1999	Bắc Giang		
21	B00073	Nguyễn Đức	Hưng	Nam	06.10.2001	Hà Nội		
22	B00074	Nguyễn Hải	Hưng	Nam	26.01.1987	Thái Nguyên		
23	B00075	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	15.09.1978	Bắc Giang		
24	B00076	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	28.07.1982	Thái Bình		
25	B00077	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	19.03.1995	Hà Nội		
26	B00078	Lê Lan	Hương	Nữ	11.06.1998	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00079	Bùi Thị Bích	Hường	Nữ	13.02.1995	Ninh Bình		
2	B00080	Đặng Thị Thu	Hường	Nữ	24.11.2000	Quảng Ninh		
3	B00081	Vũ Mạnh	Huy	Nam	13.12.1998	Liên Bang Nga		
4	B00082	Hoàng Quốc	Huy	Nam	14.08.2000	Hà Nội		
5	B00083	Hồ Phước	Huy	Nam	21.04.2000	Đà Nẵng		
6	B00084	Nguyễn Quang	Huy	Nam	03.11.1991			
7	B00085	Dương Thị Khánh	Huyền	Nữ	16.08.2002	Bắc Ninh		
8	B00086	Trịnh Thanh	Huyền	Nữ	09.10.1986	Lào Cai		
9	B00087	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	14.10.1992	Quảng Ninh		
10	B00088	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18.02.1996	Bắc Giang		
11	B00089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	12.10.1991	Hải Phòng		
12	B00090	Phạm Thu	Huyền	Nữ	25.07.1997	Hà Nội		
13	B00091	Đỗ Thị Thanh	Huyền	Nữ	13.07.1998	Hà Tây		
14	B00092	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	25.06.1996	Ninh Bình		
15	B00093	Nguyễn Long	Khánh	Nam	23.07.1978	Nghệ An		
16	B00094	Lê Thị	Khuyên	Nữ	16.02.1998	Thanh Hóa		
17	B00095	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23.07.2000	Hà Nam		
18	B00096	Nguyễn Viết	Kỳ	Nam	06.02.1981	Hà Nội		
19	B00097	Hoàng Sơn	Lâm	Nam	09.06.2001	Hà Nội		
20	B00098	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	19.10.1987	Thái Bình		
21	B00099	Đỗ Thị Ngọc	Lan	Nữ	04.06.1981	Phú Thọ		
22	B00100	Phan Thị	Lê	Nữ	15.10.1985	Nghệ An		
23	B00101	Trần Mỹ	Lệ	Nữ	26.10.1996	Phú Thọ		
24	B00102	Nguyễn Thanh	Lịch	Nam	19.07.2000	Nam Định		
25	B00103	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	18.03.1981	Hà Nội		
26	B00104	Lê Hồng	Liên	Nữ	13.06.1984	Lào Cai		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00105	Bùi Phương	Linh	Nữ	07.09.2000	Quảng Ninh		
2	B00106	Phạm Thị	Linh	Nữ	08.06.1998	Hòa Bình		
3	B00107	Trần Khánh	Linh	Nữ	11.07.2000	Bắc Giang		
4	B00108	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	05.08.1997	Hà tây		
5	B00109	Nguyễn thị Khánh	Linh	Nữ	26.11.1998	Thái Nguyên		
6	B00110	Lã Ngọc	Linh	Nữ	13.01.1998	Quảng Ninh		
7	B00111	Trần Gia	Linh	Nữ	10.12.2000	LB Nga		
8	B00112	Phạm Thị Phương	Linh	Nữ	17.05.2000	Quảng Ninh		
9	B00113	Nguyễn Việt	Linh	Nam	14.05.1989	Bệnh viện 108		
10	B00114	Trần Phương	Linh	Nữ	27.12.1999	Hà Tây		
11	B00115	Bùi Thùy	Linh	Nữ	29.12.1997	Hà Nội		
12	B00116	Vũ Tuấn	Linh	Nam	26.10.1980	Hòa Bình		
13	B00117	Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	14.04.1997	Hà Nội		
14	B00118	Chử Phương	Loan	Nữ	07.10.1992	Hà Nội		
15	B00119	Vũ Thị Thanh	Loan	Nữ	17.07.1987	Hà Nội		
16	B00120	Lại Bùi Thanh	Long	Nữ	21.01.2000	Thái Bình		
17	B00121	Hoàng Thế	Lực	Nam	15.08.1996	Thanh Hóa		
18	B00122	Đinh Xuân	Lương	Nam	25.02.1980	Ninh Bình		
19	B00123	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	26.10.1999	Hà Tây		
20	B00124	Trần Thị	Mẫn	Nữ	03.01.1983	Hà Nội		
21	B00125	Nguyễn Quang	Mạnh	Nam	05.01.1976	Nghệ An		
22	B00126	Nguyễn Công	Minh	Nữ	28.10.2001	Thái Bình		
23	B00127	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	09.03.2000	Hà Nội		
24	B00128	Nguyễn Thị Quỳnh	My	Nữ	12.02.1996	Lào Cai		
25	B00129	Phan Thị	Mỹ	Nữ	09.07.1982	Thanh Hóa		
26	B00130	Bùi Vi	Na	Nữ	06.09.1999	Quảng Ngãi		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00131	Lê Đình	Nam	Nam	13.03.1996	Hà Nội		
2	B00132	Nguyễn Đình	Nam	Nam	16.03.2001	Hà Nội		
3	B00133	Nguyễn Ngọc	Nam	Nam	28.12.1997	Thái Nguyên		
4	B00134	Nguyễn Phương	Nam	Nam	15.11.1996	Hà Nội		
5	B00135	Trần Hồng	Ngà	Nữ	18.04.1995	Hà Nội		
6	B00136	Đỗ Thị Ngọc	Ngà	Nữ	24.12.1987	Phú Thọ		
7	B00137	Trương Phương	Ngọc	Nữ	15.11.1998	Ninh Bình		
8	B00138	Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	17.10.1999	Hải Dương		
9	B00139	Phạm Hồng	Ngọc	Nam	11.11.1998	Hải Phòng		
10	B00140	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	23.12.1996	Nam Định		
11	B00141	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	Nữ	08.04.1989	Hà Nam		
12	B00142	Đặng Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	18.07.1983	Hà Nội		
13	B00143	Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	09.12.1998	Hải Dương		
14	B00144	Nguyễn Trọng	Nhân	Nữ	01.08.2001	Hà Nội		
15	B00145	Bùi Minh	Nhật	Nam	26.10.2000	Nghệ An		
16	B00146	Nguyễn Linh	Nhi	Nữ	29.10.2001	Hải Dương		
17	B00147	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	19.03.1998	Hải Dương		
18	B00148	Hà Thị Cẩm	Nhung	Nữ	22.07.1980	Hà Nội		
19	B00149	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	21.01.1992	Hải Dương		
20	B00150	Nguyễn Đương	Phú	Nam	18.06.1998	Bắc Ninh		
21	B00151	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	30.09.1998	Hà Nội		
22	B00152	Bùi Hồng	Phúc	Nam	19.10.1985	Hà Tây		
23	B00153	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	23.10.2001	Hà Tây		
24	B00154	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01.05.2001	Nghệ An		
25	B00155	Vũ Thị	Phượng	Nữ	03.02.1989	Bắc Ninh		
26	B00156	Phạm Anh	Quân	Nữ	26.11.2000	Hải Dương		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi sô 7 (507-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00157	Hoàng	Quân	Nam	21.01.1991	Hà Nội		
2	B00158	Ngô Văn	Quý	Nam	05.11.1983	Hải Phòng		
3	B00159	Luyện Đức	Quyền	Nam	16.02.2001	Hưng Yên		
4	B00160	Đặng Lệ	Quỳnh	Nữ	26.08.2000	Lai Châu		
5	B00161	Lâm Thanh	Sang	Nam	26.10.2000	Gia Lai		
6	B00162	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	28.09.1996	Hà Tây		
7	B00163	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	18.09.1999	Nghệ An		
8	B00164	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	04.12.1986	Hà Nội		
9	B00165	Nguyễn Thị	Thái	Nữ	17.08.1980	Yên Bái		
10	B00166	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	31.07.1991	Hà Nội		
11	B00167	Lê Thị Hoài	Thanh	Nữ	19.09.2001	Nghệ An		
12	B00168	Nguyễn Hưng	Thành	Nam	18.11.1997	Hà Nội		
13	B00169	Chu Thị Ngọc	Thảo	Nữ	21.08.1997	Hưng Yên		
14	B00170	Lý Thị Thu	Thảo	Nữ	07.11.1998	Hưng Yên		
15	B00171	Tạ Văn	Thảo	Nam	16.04.1983	Phú Thọ		
16	B00172	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	05.11.1996	Vĩnh Phúc		
17	B00173	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	07.02.2000	Bắc Giang		
18	B00174	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Nữ	01.01.1998	Hưng Yên		
19	B00175	Bùi Văn	Thạo	Nam	18.08.1992	Hà Nam		
20	B00176	Lưu Thị	Tho	Nữ	01.09.1985	Thái Bình		
21	B00177	Vũ Bá	Thọ	Nam	08.11.2000	Quảng Ninh		
22	B00178	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	08.09.1976	Hà Nội		
23	B00179	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	05.06.1978	Hà Nội		
24	B00180	Phùng Thị Bích	Thuận	Nữ	22.01.1982	Phú Thọ		
25	B00181	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	15.09.1996	Thanh Hóa		
26	B00182	Trịnh Thị Hoài	Thương	Nữ	24.04.1998	Đắc Lắk		
27	B00183	Phạm Thị	Thúy	Nữ	18.08.1972	Hải Dương		
28	B00184	Chu Thị Chung	Thủy	Nữ	26.09.1978	Hà Nội		
29	B00185	Lê Thị Thanh	Thủy	Nữ	03.03.1986	Nghệ An		
30	B00186	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	Nữ	09.08.1973	Hà Nội		
31	B00187	Nguyễn Văn	Thuyên	Nam	05.10.1988	Hà Nội		
32	B00188	Nguyễn Bá	Tiến	Nam	01.04.1981	Thái Bình		
33	B00189	Vũ Thế	Tiến	Nam	22.10.1997	Ninh Bình		
34	B00190	Phùng Minh	Tiến	Nam	07.10.1982	Vĩnh Phúc		

Số thí sinh theo danh sách: 34

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (508-nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 30/08/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00191	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	28.08.1999	Bắc Ninh		
2	B00192	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	13.03.1977	Ninh Bình		
3	B00193	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	11.12.1997	Hà Nội		
4	B00194	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	14.03.1993	Hà Nam		
5	B00195	Vũ Minh	Trang	Nữ	06.06.2000	Lào Cai		
6	B00196	Lưu Thị Thu	Trang	Nữ	29.04.1997	Hà Nam		
7	B00197	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	01.11.1995	Hải Dương		
8	B00198	Trần Anh	Tú	Nam	26.01.2001	Tuyên Quang		
9	B00199	Đặng Công	Tùng	Nam	30.09.2001	Bắc Ninh		
10	B00200	Nguyễn Doãn	Tùng	Nam	30.11.1995	Hà Nội		
11	B00201	Nguyễn Kim	Tuyết	Nữ	22.07.1983			
12	B00202	Bùi Thị Hồng	Vân	Nữ	19.03.2002	Phú Thọ		
13	B00203	Nguyễn Thị Xinh	Vân	Nữ	29.05.1977	Thái Bình		
14	B00204	Nguyễn Thị Hoài	Vân	Nữ	29.11.1975	Hà Nội		
15	B00205	Nguyễn Khánh	Vân	Nữ	26.06.1995	Hà Nội		
16	B00206	Trần Đức	Văn	Nam	16.01.1998	Hà Nam		
17	B00207	Đinh Thúy	Vui	Nữ	14.05.1997	Tuyên Quang		
18	B00208	Nguyễn Đình	Vương	Nam	26.08.1999			
19	B00209	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	22.07.2000	Ninh Bình		
20	B00210	Nguyễn Tuấn	Vỹ	Nam	26.07.1997	Nam Sách		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)